

Số: 98/2024/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị S, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản R, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Hàng Mỹ C2, sinh năm 1999. Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại Đội 6, Phân trại số 1, Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vàng Thị S và anh Hàng Mỹ C2.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vàng Thị S và anh Hàng Mỹ C2.

b. Về con chung: Chị S và anh C2 có 01 con chung. Anh chị thống nhất, chị Vàng Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Hàng Đông T, sinh ngày 15/7/2019 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.. Chị S cam đoan đủ khả năng nuôi dưỡng con, chưa yêu cầu anh Hàng Mỹ C2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, anh C2 được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Chị S và anh C2 đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

d. Về án phí: Chị Vàng Thị S là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, được trả lại 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00001349 ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh Hàng Mỹ C2 chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 75.000VNĐ (Bảy mươi năm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Cầm Ngọc Thương